

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi bổ sung, được thay thế và bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 438/TTr-STN&MT ngày 05 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, được thay thế và bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi quản lý chức năng của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ một số danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai tại Quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn Phòng Chính Phủ - Cục KSTTHC (để b/c);
- TTTU, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐVP, KSTT, TTPVHCC, KGVX (D);
- Lưu: VT, KSTT(P).

CHỦ TỊCH

Trương Quốc Huy

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐƯỢC THAY THẾ VÀ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.	20 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

2. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức	10 ngày	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 ; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	năng ngoại giao.				ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	05 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2021; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;
3	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	03 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	- Phí, Lệ phí: Theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; - Giá dịch vụ công: Theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2021; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 8 năm 2021; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					08/12/2020; - Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020; - Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.
4	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	07 ngày (Đối với trường hợp là Tổ chức; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao); 05 ngày (Đối với trường hợp là Hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với QSDĐ ở tại Việt Nam)	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	- Phí, Lệ phí: Theo + Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; - Giá dịch vụ công: Theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2021; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; - Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020; - Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.
5	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.	03 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp		- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2021; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; - Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020; - Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	10 ngày	nhận và trả kết quả cấp xã		
7	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	- 05 ngày: cấp lẻ; - 50 ngày: cấp đồng loạt	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	- Phí, Lệ phí: Theo + Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; - Giá dịch vụ công: Theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2014; - Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2021; - Thông tư 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; - Quyết định 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020; - Quyết định 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.
8	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	05 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	
9	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	12 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện;	- Phí, Lệ phí: Theo + Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020;	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã .	- Giá dịch vụ công: Theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.	- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2021; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;
10	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	10 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã		- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021;
11	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	10 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã		- Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; - Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020; - Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.
12	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	07 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	- Phí, Lệ phí: Theo + Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; - Giá dịch vụ công: Theo Quyết định số	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2021; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
13	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	10 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.	11/11/2016; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020. - Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020; - Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.
14	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	10 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã		
15	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng	- Trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng QSDĐ, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là 10 ngày - Trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất là 03 ngày; - Trường hợp chuyển QSDĐ, quyền sở hữu	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	đất đã có Giấy chứng nhận	tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng là 05 ngày			
16	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	12 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã 	<p>Phí, Lệ phí: Theo + Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; + Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020.</p> <p>Giá dịch vụ công: Theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2021; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020. - Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020; - Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
17	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	10 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	- Phí, Lệ phí: Theo + Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; + Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020. - Giá dịch vụ công: Theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2021; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;
18	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	12 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.	- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; - Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020; - Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.
19	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	05 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp	- Phí, Lệ phí: Theo + Nghị quyết số 18/2020/NQ-	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	HĐND ngày 08/12/2020; + Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020.	- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2021; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;
20	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	05 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	- Giá dịch vụ công: Theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.	- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; - Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020; - Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.
21	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	10 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã		
22	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	06 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã		

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
23	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	02 ngày	- Trung tâm Phục vụ HCC; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	- Lệ phí: Theo + Nghị quyết số	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2014; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2021; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016;
24	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	06 ngày	Trung tâm PV hành chính công tỉnh Hà Nam.	18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020;	- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014;
25	Đăng ký, xoá đăng ký thế chấp thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	+ 03 ngày: nộp hồ sơ tại Trung tâm HCC tỉnh; + 01 ngày: nộp hồ sơ tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh	Trung tâm PVHCC tỉnh Hà Nam; Bộ phận TN và TKQ cấp huyện.	- Giá dịch vụ công: Theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.	- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020;
26	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	-01 ngày: người yêu cầu đăng ký là hộ gia đình, cá nhân			- Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020; - Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “điền đổi thửa” (đồng loạt).	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp đơn lẻ 10 ngày; - Trường hợp cấp đồng loạt 50 ngày. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<p>Trường hợp thực hiện cấp đổi đồng loạt theo chủ trương “điền đổi thửa”: (đồng loạt) thực hiện theo dự án</p> <p>8.2. Trường hợp thực hiện cấp đổi đơn lẻ</p> <p>- Phí thẩm định; Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất:</p> <p>+ Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam</p> <p>- Giá dịch vụ công: Theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Nam</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017; - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; - Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; - Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021.

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét chuyển mục đích sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	10 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ ; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 ; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 ; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC
1	Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.	Lồng ghép vào quy trình giải quyết TTHC của Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	do hệ thống Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại các huyện, thị xã, thành phố
3	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	là cơ quan đầu mối tiếp nhận và giải quyết hồ sơ (Văn phòng một cấp)

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Hòa giải tranh chấp đất đai	45 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	Theo qui định của Bộ Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.